

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO  
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/HC-PT

Ngày: 02/3/2022

V/v “*Khiếu kiện hành vi hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Công Thi  
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tào  
Ông Phạm Việt Cường

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Xuân Thanh – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 335/2021/TLPT-HC ngày 15 tháng 11 năm 2021 về “*Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 26/2021/HC- ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1036/2022/QĐPT-HC ngày 14 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện:* Ông Lê L, sinh năm 1937. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt – có đơn xin xét xử vắng mặt

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:* Luật sư Trần Văn H – Văn phòng Luật sư T, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Ngãi. Địa chỉ: tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

- *Người bị kiện:*

1. Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

*Người đại diện theo ủy quyền của UBND xã H và Chủ tịch UBND xã H:*  
Ông Huỳnh Văn Dương – Phó Chủ tịch. Có mặt

Cùng địa chỉ: Xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện N, tỉnh Quảng Ngãi – ông Đinh Xuân S. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Thị trấn C, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Cao Văn H, sinh năm 1974. Địa chỉ: Thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt

*Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Lê L.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:***

*Tại đơn khởi kiện ghi ngày 30/12/2020, các đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ghi ngày 28/01/2021 và ngày 26/02/2021, bản tự khai ngày 06/5/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Lê L trình bày:* Sau ngày đất nước hoàn toàn giải phóng, hưởng ứng lời kêu gọi của Đảng và Nhà nước, toàn dân phải khai hoang, phục hóa xây dựng quê hương; gia đình ông khai hoang được một mảnh đất có diện tích 1.000m<sup>2</sup> tại khu vực núi T – núi R có giới cận: Đông giáp đất ông Nguyễn Mậu S, Tây giáp đất ông Huỳnh Văn A, Bắc giáp đường cái, Nam giáp đồi núi; sau khi khai hoang gia đình ông trồng mì, trồng lang. Năm 1978 thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước vào HTXNN làm ăn tập thể, ông đã giao ruộng lúa nước và đất thổ làm bắp, đậu phụng... cho HTX quản lý, điều hành sản xuất nông nghiệp. Riêng 1.000m<sup>2</sup> đất này ông khai hoang để trồng mì, lang không vào HTXNN xã H vì đất thiếu nước tưới, sản xuất nông nghiệp không hiệu quả. Năm 1980 ông và một số người dân nghe UBND xã H thông báo tất cả diện tích đất gò đồi đều do xã quản lý trong đó có diện tích ông khai hoang trên. Chấp hành chỉ đạo của xã H ông để diện tích 1.000m<sup>2</sup> này cho xã quản lý. Năm 2018 UBND xã H thông báo ai có đất rẫy lên phát ranh giới để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ông lên rẫy thì phát hiện ông Cao Văn H đang sử dụng đất ông khai hoang. Ông cùng các hộ dân nộp đơn yêu cầu cấp giấy chứng nhận đất lâm nghiệp gửi UBND xã H, ông yêu cầu UBND xã xem xét trả lại mảnh đất khai hoang cho ông. Ngày 16/4/2019 UBND xã có Công văn số 34/UBND trả lời đơn đề ngày 27/8/2018 của ông và không chấp nhận việc ông đòi UBND xã trả lại đất. Ông có đơn khiếu nại đến UBND xã H, được Chủ tịch UBND xã H giải quyết bác khiếu nại lần đầu theo Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019. Không đồng ý, ông khiếu nại đến Chủ tịch UBND huyện N, được Chủ tịch UBND huyện N giải quyết bác khiếu nại lần hai tại Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020.

Cả hai quyết định nêu trên ông không đồng ý với lý do UBND cấp xã nói chung và UBND xã H nói riêng không có quyền ra quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai theo quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 202, khoản 2 Điều 203 Luật đất đai năm 2013. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của ông Lê L, ở thôn A, xã H, huyện N.

- Hủy Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần hai).

*Tại Văn bản số 96/UBND ngày 24/5/2021 của UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H; Văn bản số 96/UBND ngày 24/5/2021 của Chủ tịch UBND huyện N và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H trình bày:*

Ngày 10/7/2018 UBND xã H có Thông báo số 61/TB-UBND về kế hoạch đo đạc đất lâm nghiệp trên địa bàn xã H năm 2018 để khép kín bản đồ, thuận lợi trong việc quản lý Nhà nước về đất đai. Do không nắm rõ nội dung thông báo của UBND xã, 31 hộ dân cho rằng đất của họ đã khai hoang trước đây cũng được đo đạc, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên đã làm đơn thỉnh cầu đòi lại đất. Nhận thấy vụ việc có tính phức tạp nhiều người, đơn các hộ dân đã nộp là đơn yêu cầu, bản chất không phải tranh chấp đất đai với cá nhân hay UBND xã nên UBND xã không giải quyết theo trình tự thủ tục tranh chấp đất đai (hòa giải tranh chấp đất đai theo Điều 203 Luật đất đai); UBND xã đã tổ chức đối thoại với các hộ dân vào ngày 30/8/2018 có 26/31 hộ tham gia, trong 26 hộ có ông Lê L, ông Huỳnh C, bà Hồ Thị Bích V. Tại buổi đối thoại, các ban ngành, đoàn thể đã giải thích pháp luật, đất các hộ khai hoang trước đây đã được giao cho Lâm trường, Hợp tác xã và UBND xã quản lý đến nay nên việc đòi lại đất của các hộ không có cơ sở để giải quyết.

Đối với ông Lê L, ngày 27/8/2018 phát sinh “Đơn xin cấp chứng nhận đất lâm nghiệp” gửi đến UBND xã H có nội dung xin lại 01 thửa đất rừng gia đình ông đã khai hoang trước đây. Ngày 16/4/2019, UBND xã H có Công văn trả lời số 34/UBND với nội dung việc xin lại diện tích đất rừng mà gia đình ông Lê L cho rằng đã khai hoang trước đây là không đúng với quy định của pháp luật. Không đồng ý với nội dung trả lời của UBND xã H, ông Lê L tiếp tục phát sinh đơn gửi đến Chủ tịch UBND xã H để khiếu nại. Ngày 01/10/2019, Chủ tịch UBND xã H đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu số 110/QĐ-UBND bác toàn bộ nội dung đơn khiếu nại của ông Lê L.

Qua quá trình thẩm tra, xác minh cho thấy nội dung khiếu nại của ông Lê L liên quan đến thửa đất lâm nghiệp tại khu vực Bắc Núi R (hay còn gọi là Hố T), xã H. Theo sự dẫn dắt thực tế của ông Lê L vào ngày 24/12/2019, thửa đất ông cho rằng trước đây gia đình ông khai hoang có diện tích 489m<sup>2</sup>. Nguyên diện tích đất tại khu vực Bắc Núi R từ năm 1975 đến năm 1978 là đất hoang hóa và có một số hộ dân khai hoang để trồng lang, mỳ; đến năm 1978 khi Hợp tác xã Nông nghiệp H I (HTXNN H I) thành lập thì toàn bộ diện tích đất tại đây được đưa vào HTXNN H I quản lý. Đến khoảng năm 1980-1981, giao cho Lâm

trường N quản lý, trồng cây bạch đàn không hiệu quả nên giao lại cho HTXNN H I. Năm 1993 thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, toàn bộ đất đai HTXNN H I quản lý, sử dụng chuyển giao cho UBND xã quản lý. Kiểm tra, đối chiếu bản đồ đo đạc đất lâm nghiệp năm 2018 tại xã H thì diện tích đất 489m<sup>2</sup> mà ông Lê L đang khiếu nại yêu cầu trả lại hiện nay do ông Cao Văn H, ở thôn A đang quản lý, sử dụng. Theo hồ sơ địa chính và bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg, thửa đất này thuộc một phần thửa đất 306, diện tích 300.000m<sup>2</sup>, loại đất núi, tờ bản đồ số 9 xã H là đất chưa phân phối sử dụng; thể hiện trong Sổ Đăng ký ruộng đất (mẫu 5a) tại quyển số 2, trang số 11 và Sổ mục kê tại quyển số 2, trang số 93 do Nhà nước đang quản lý.

Làm việc với ông Cao Văn H, người đang sử dụng đất trình bày: Khoảng năm 1990, ông thấy đất tại đây là cây bụi rậm nên phát dọn để trồng cây đào, diện tích khoảng hơn 1ha. Đến năm 2010, ông phá cây đào và trồng cây keo cho đến nay. Từ khi ông phát dọn để trồng cây đến nay không có ai tranh chấp đến khi làm việc với Tổ xác minh ông mới biết ông Lê L đang đòi lại thửa đất này. Hiện nay, thửa đất này ông chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Qua làm việc với ông Lê L, ông cho rằng do gia đình khai hoang sử dụng từ năm 1978 chủ yếu để trồng lang, mỳ. Đến năm 1980, Lâm trường quản lý, sử dụng tại các thửa đất này thì gia đình ông không còn sử dụng đất cho đến nay. Từ đó đến thời điểm phát sinh đơn xin trả lại đất, gia đình ông Lê L cũng không phát sinh tranh chấp hay khiếu nại gì đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Ông chỉ trình bày về nguồn gốc đất khai hoang, quá trình sử dụng, ngoài ra không cung cấp được bằng chứng hay các loại giấy tờ hợp pháp nào khác chứng minh về nguồn gốc và việc quản lý sử dụng của mình.

Như vậy, thửa đất mà ông Lê L khiếu nại đề nghị trả lại đất khai hoang theo trình bày đã không còn sử dụng đất từ lâu (năm 1980), từ khi không còn sử dụng đất đến năm 2018 (thời điểm có Đơn xin cấp chứng nhận đất lâm nghiệp) ông không phát sinh tranh chấp hay khiếu nại đến UBND xã H và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật. Ông Lê L chỉ trình bày về nguồn gốc đất, quá trình sử dụng và lấy chứng cứ là việc xác nhận nguồn gốc cho nhau giữa những người khiếu nại. Ngoài ra, không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai.

Về nguồn gốc nguyên thửa đất mà ông Lê L đang khiếu nại đã được Nhà nước giao cho HTXNN H 1 và Lâm trường N, năm 1993 đất HTX quản lý chuyển sang giao cho UBND xã quản lý theo quy định của pháp luật về đất đai. Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”*. Do đó, ông Lê L

yêu cầu UBND xã trả lại đất khai hoang là không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết.

Việc trả lời đơn cho ông Lê L của UBND xã H tại Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 và giải quyết khiếu nại tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H là đúng quy định của pháp luật. Việc Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 giải quyết bác đơn khiếu nại lần hai của ông Lê L cũng đúng quy định của pháp luật. Do đó, UBND xã H, Chủ tịch UBND xã H và Chủ tịch UBND huyện không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông Lê L.

*Tại bản tự khai ngày 17/5/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn H trình bày:*

Năm 1992, ông đi nghĩa vụ đến năm 1994 xuất ngũ về địa phương. Từ năm 1994, ông lên vùng ông Đùng (khu vực Núi R), thôn A, xã H, huyện N khai hoang diện tích đất 01 ha và sử dụng từ đó đến nay. Tại thời điểm sử dụng, đất này không đưa vào HTX, ông cũng không đăng ký kê khai để được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông sử dụng, quản lý đất, ban đầu trồng bạch đàn, trồng lang, mì sau đó chuyển sang trồng cây keo cho đến nay. Năm 2015 UBND huyện N thông báo cho ông cùng những người khác đến UBND để kê khai, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, năm 2018 ông Lê L lên đất khu vực núi R nơi ông đang sử dụng nói là đất của ông L và yêu cầu trả lại là không có căn cứ, gây ảnh hưởng đến việc trồng trọt của ông. Ông sử dụng đất từ năm 1994 đến khi nhà nước thông báo để kê khai đất thì trước đó không ai tranh chấp kể cả ông L. Ông đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:*

UBND xã H trả lời tại công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 không công nhận việc đòi đất của ông Lê L theo đơn ông L đề ngày 27/8/2018 là không đúng pháp luật. Chủ tịch UBND xã H ra Quyết định giải quyết khiếu nại về tranh chấp đất đai là trái quy định tại điều 17, 18 Luật khiếu nại năm 2011 và Điều 202, 203 Luật đất đai năm 2013. Do đó, Quyết định giải quyết khiếu nại (lần 2) số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N cũng không đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L.

***Với những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2021/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***

*Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6; Điều 7; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 17; Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 38; Điều 39; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; điểm d khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ*

*Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.*

*Tuyên xử:*

*1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:*

*- Hủy Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của ông Lê L, ở thôn A, xã H, huyện N.*

*- Hủy Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu).*

*- Hủy Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần hai).*

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về việc miễn án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 28/9/2021 ông Lê L có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo ông L cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết vụ án không khách quan, không đúng pháp luật, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông L, ông L đã trích dẫn các điều luật liên quan đến trách nhiệm, thẩm quyền trong lĩnh vực đất đai cũng như Luật khiếu nại để chứng minh và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê L, hủy các văn bản, quyết định hành chính mà ông đã khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Lê L có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên kháng cáo.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện và chấp hành đúng quy định của Luật tố tụng hành chính.

- Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông Lê L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA:**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm, xem xét kháng cáo của ông L xét thấy:

[1]. Về nguồn gốc đất: Xem xét thửa đất ông Lê L yêu cầu UBND xã H trả lại và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lâm nghiệp, nhận thấy theo chính trình bày của ông Lê L sau năm 1975 gia đình ông có khai hoang một thửa đất diện tích khoảng 1.000 m<sup>2</sup> tại khu vực núi T - núi R, xã H để trồng khoai sắn, năm 1980 ông L giao lại thửa đất nói trên cho UBND xã quản lý. Năm 2018, ông L yêu cầu trả lại và xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì phát hiện thửa đất trước đây gia đình ông khai hoang do ông Cao Văn H đang sử dụng, do vậy, ngày 27/8/2018 ông L có đơn yêu cầu UBND xã H trả lại thửa đất

nói trên và cấp chứng nhận đất lâm nghiệp cho gia đình ông. UBND xã H đã ban hành Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 trả lời không chấp nhận yêu cầu của ông L, ông L tiếp tục khiếu nại đến Chủ tịch UBND xã H thì Chủ tịch UBND xã H ban hành Quyết định 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 bác khiếu nại của ông L, ông L tiếp tục khiếu nại lần 2 đến Chủ tịch UBND huyện N thì Chủ tịch UBND huyện N ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 nội dung không chấp nhận khiếu nại của ông L, do vậy ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi hủy các Quyết định hành chính nói trên.

Xét thấy, quá trình khởi kiện ông L không cung cấp giấy tờ, tài liệu gì để chứng minh quyền sử dụng đối với thửa đất, chính ngay trong những lời trình bày của ông L đã thể hiện từ năm 1980, đến nay gia đình ông L không quản lý, sử dụng gì đối với thửa đất, ông đã giao đất cho UBND xã H quản lý. Căn cứ vào hồ sơ quản lý đất đai và trình bày của UBND xã H thể hiện thửa đất ông Lê L yêu cầu cấp Giấy chứng nhận có diện tích 489 m<sup>2</sup> vị trí tại phía Bắc Núi R, theo Bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg là một phần của thửa đất số 306, có diện tích 3.000 m<sup>2</sup>, theo sổ đăng ký sử dụng đất cũng như hồ sơ thực hiện Nghị định 64/CP thì thửa đất nói trên do Hợp tác xã nông nghiệp H I và UBND xã H quản lý từ năm 1978 đến nay. Với nội dung đơn yêu cầu trả lại đất và xin cấp Giấy chứng nhận đất lâm nghiệp của ông Lê L thì UBND xã H có văn bản số 34/UBND ngày 16/4/2018 trả lời đối với đơn yêu cầu của ông Lê L có nội dung: Căn cứ theo quy định tại khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai 2013: *“Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam”* việc ông L yêu cầu UBND xã H trả lại đất do ông khai hoang vào năm 1975 nhưng năm 1980 ông đã giao lại cho UBND xã H, đồng thời UBND xã H cũng đã giao lại diện tích đất nói trên cho Hợp tác xã nông nghiệp H I quản lý, thể hiện đầy đủ chủ sử dụng đất trên hồ sơ địa chính, như vậy, không có cơ sở pháp lý để xem xét giải quyết trả lại đất và cấp giấy chứng nhận cho ông L là đúng quy định của Luật đất đai.

Việc UBND xã H trả lời đơn cho ông Lê L tại Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 nêu trên là đúng quy định của pháp luật, sau đó, do ông L có khiếu nại nên Chủ tịch UBND xã H giải quyết khiếu nại lần đầu tại Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 và Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 giải quyết khiếu nại lần hai của ông Lê L cũng đúng quy định tại Điều 17; Điều 18 của Luật khiếu nại năm 2011.

Việc ông L trích dẫn các điều luật của Luật đất đai liên quan đến thẩm quyền giao đất, nguyên tắc sử dụng đất, trách nhiệm quản lý nhà nước về đất đai cũng như các quy định của pháp luật về giải quyết khiếu nại để kháng cáo Bản án sơ thẩm là không đúng.

Với những nhận định nêu trên, xét thấy tại Bản án hành chính sơ thẩm số: 26/2021/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng

Ngãi đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L là đúng với các quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của ông Lê L, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

[2]. Quyết định của Bản án sơ thẩm về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[3]. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê L là đối tượng người cao tuổi nên được miễn.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính.

1/. Bác toàn bộ kháng cáo của ông Lê L. Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 26/2021/HC-ST ngày 20/9/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; khoản 1 Điều 115; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 116; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều 6; Điều 7; khoản 3 Điều 23; khoản 5 Điều 26 Luật đất đai năm 2013; Điều 17; Điều 18; Điều 29; Điều 30; Điều 31; Điều 38; Điều 39; Điều 40 Luật khiếu nại năm 2011; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê L về việc yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Công văn số 34/UBND ngày 16/4/2019 của UBND xã H về việc trả lời đơn của ông Lê L, ở thôn A, xã H, huyện N.

- Hủy Quyết định số 110/QĐ-UBND ngày 01/10/2019 của Chủ tịch UBND xã H về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần đầu).

- Hủy Quyết định số 53/QĐ-UBND ngày 24/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện N về việc giải quyết khiếu nại của ông Lê L, địa chỉ thường trú: thôn A, xã H, huyện N, tỉnh Quảng Ngãi (lần hai).

2/. Về án phí sơ thẩm: Không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, ông Lê L được miễn (*không thu tiền tạm ứng*).



Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Ngãi;
- Đường sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, Lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**